

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh của tỉnh Tây Ninh đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh của tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020; Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Tây Ninh thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa vai trò của công tác dân số đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh để phát hiện, can thiệp và điều trị sớm các bệnh, tật, các rối loạn chuyển hóa, di truyền ngay trong giai đoạn bào thai và sơ sinh.

- Phân tích thực trạng chương trình nâng cao chất lượng dân số tại tỉnh Tây Ninh nói chung và các địa phương trong tỉnh nói riêng, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất cấp thẩm quyền về cơ chế, chính sách, biện pháp can thiệp phù hợp.

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp can thiệp của Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020; đảm bảo việc phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh phù hợp với từng địa phương.

II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% và giảm 50% số cặp tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống;
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%;
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70%;
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70%;

b) Đến năm 2030

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% và giảm 60% số cặp tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống;
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%;
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90%;
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90%;

III. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian và phạm vi thực hiện Chương trình: Thời gian thực hiện từ năm 2021 đến năm 2030 trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh;
- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.
- Rà soát, bổ sung chính sách cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại các xã vùng sâu, biên giới; người dân vùng nhiễm chất độc dioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình.
- Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em, nhân viên y tế thôn bản khi tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản.
- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ; huy động sự đóng góp, chi trả chi phí dịch vụ của người tham gia khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.
- Thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh,...

2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội

- Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới chính quyền các cấp. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.
- Phổ biến, giáo dục, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết.
- Huy động các đoàn thể, bộ đội biên phòng ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn có đông người dân tộc, vùng biên giới tham gia giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.
- Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

- Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

- Đầu tư hoàn thiện mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các điểm, cơ sở, trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh.

- Phát triển cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và các Bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đào tạo chuyên gia, cán bộ, nhân viên kỹ thuật tiếp nhận, chuyển giao công nghệ y sinh phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, người cung cấp dịch vụ bao gồm khu vực ngoài công lập.

- Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã, phường, thị trấn; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- Thí điểm một số can thiệp, mô hình cung cấp dịch vụ tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và địa bàn có đối tượng khó tiếp cận; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, vận hành các cơ sở dịch vụ. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng của Chương trình.

4. Ứng dụng kỹ thuật mới

Ứng dụng, phổ biến kỹ thuật mới theo hướng dẫn của Trung ương trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh.

5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia.

- Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình; tăng cường hợp tác quốc tế về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ,...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình được bố trí từ ngân sách địa phương, bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ; nguồn kinh phí phối hợp lồng ghép trong các Chương

trình, Dự án có liên quan; nguồn viện trợ; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình trong các đơn vị trực thuộc và cộng đồng dân cư. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế.

- Hàng năm lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng qui định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt và nhiệm vụ được giao, Sở Y tế lập kế hoạch dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí thực hiện Kế hoạch theo đúng qui định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Tham mưu tổ chức sơ kết và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và năm 2030.

2. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối của ngân sách.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp các dự án đầu tư công về mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tham mưu UBND tỉnh trong kế hoạch đầu tư hàng năm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Các Sở: Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Lao động- Thương binh và xã hội

Phối hợp với Sở Y tế rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về các nội dung của Chương trình về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện kế hoạch này tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Y tế; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan ở địa phương.

Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động và đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội

Trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch, đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục về tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

Hàng năm (trước ngày 15/12), các sở, ban ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh về Sở Y tế tỉnh Tây Ninh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh của tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, đề nghị các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận: *lg*

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP;
- KGVX;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh

Sang:

7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng